

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Thái Huy Vinh - Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An
Nguyễn Văn Dũng - Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Ngày nhận bài: 04/06/2018; ngày sửa chữa: 12/06/2018; ngày duyệt đăng: 19/06/2018.

Abstract: The paper focuses on clarifying the current situation, factors affecting the training follow up standard of job title; Suggest solutions to promote of teacher training in preschool, primary school, junior high school in Nghe An province.

Keywords: Training, retrains, teachers, standard of job title, preschool, primary school, middle school.

1. Mở đầu

Muốn phát triển giáo dục và đào tạo (GD-ĐT), điều quan trọng trước tiên là phải chăm lo xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức giáo dục. Đào tạo và bồi dưỡng (ĐT, BD) được xem là cầu nối để thực hiện quá trình truyền thụ kiến thức, kỹ năng một cách có kế hoạch, là con đường để phát triển đội ngũ viên chức giáo dục một cách nhanh nhất. Trong bối cảnh nền giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục tỉnh Nghệ An nói riêng đang thực hiện nhiều cải cách mạnh mẽ như hiện nay, việc ĐT, BD nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp là công việc thường xuyên, cần thiết diễn ra trong suốt quá trình công tác của người giáo viên (GV).

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ thực trạng, những yếu tố ảnh hưởng đến công tác ĐT, BD theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác này cho GV mầm non (MN), tiểu học (TH) và trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Quá trình ĐT, BD phải bắt đầu bằng khâu xác định nhu cầu ĐT, BD và được xem là khâu quan trọng nhất trong quá trình này. Để thực hiện tốt khâu xác định nhu cầu ĐT, BD, cần đánh giá đúng thực trạng về đội ngũ GV hiện có. Theo báo cáo của Sở GD-ĐT Nghệ An (năm học 2017-2018), số lượng GV MN, TH, THCS theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và số lượng GV theo trình độ chuyên môn được thống kê như sau:

2.1.1. Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phân theo hạng chức danh nghề nghiệp

Dựa trên tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các bậc MN [1], TH [2], THCS [3], số lượng GV trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An được phân theo từng hạng như sau (Đối với GV MN và TH phân theo 3 hạng là hạng II, hạng III và hạng IV; Đối với GV THCS phân theo 3 hạng là hạng I, hạng II và hạng III) (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Thống kê số lượng GV phân theo các hạng chức danh nghề nghiệp

TT	Cấp học	Tổng số GV	Hạng chức danh nghề nghiệp								Chưa bổ nhiệm vào hạng	
			Hạng I		Hạng II		Hạng III		Hạng IV			
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	MN	11008	0	0,0	3585	32,6	4226	38,4	2232	20,3	965	8,8
2	TH	14518	0	0,0	8354	57,5	4285	29,5	1586	10,9	293	2,0
3	THCS	12573	54	0,4	10339	82,2	1964	15,6	0	0,0	216	1,7

(Nguồn: Công văn số 259/SGDDĐT-TCCB ngày 23/02/2017 của Sở GD-ĐT Nghệ An về việc báo cáo kết quả bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp GV)

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng về đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Từ *bảng 1*, có thể thấy, số lượng GV ở cả ba cấp được bổ nhiệm vào các hạng chiếm tỉ lệ lớn nhưng không đồng đều, số lượng GV chưa được bổ nhiệm vào

hạng vẫn còn khá nhiều, đặc biệt là GV MN. Bên cạnh đó, số lượng GV được xếp hạng cao nhất (hạng II đối với bậc MN, TH; hạng I đối với cấp THCS) có số lượng chênh lệch khá nhiều, trong đó ở cấp THCS chỉ chiếm 0,4%, còn cấp TH có số lượng lớn nhất với 57,5%, sau đó đến bậc MN có 32,6%.

Việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và thực hiện bổ nhiệm vào hạng đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập là một trong những tiền đề để xây dựng, quản lý và phát triển đội ngũ nhà giáo, đồng thời là cơ sở khoa học cho việc xác định biên chế về số lượng, cơ cấu hạng cũng như trình độ chuyên môn làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bố trí sử dụng, đề bạt, đánh giá và ĐT, BD.

2.1.2. Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phân theo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Trong tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của mỗi hạng đều quy định tiêu chuẩn về trình độ ĐT, BD. Tiêu chuẩn này gồm có: Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học và chứng chỉ BD GV của hạng. Theo số liệu thống kê mới nhất, số lượng GV các cấp phân theo trình độ ĐT, BD thể hiện như sau:

2.1.2.1. Về trình độ đào tạo chuyên môn (xem bảng 2)

Từ bảng 2, có thể thấy, nhìn chung, ở cả 3 cấp, trình độ ĐT chuyên môn của GV tỉnh Nghệ An đã đáp ứng cơ bản tiêu chuẩn của ngành với tỉ lệ GV có trình độ đại học, cao đẳng chiếm đa số. Tuy nhiên, vẫn còn GV có trình độ trung cấp, đặc biệt là ở bậc MN. Trình độ trên đại học chiếm tỉ lệ còn khá khiêm tốn, đặc biệt là ở bậc MN và TH.

2.1.2.2. Về trình độ ngoại ngữ

Trình độ ngoại ngữ của GV các cấp áp dụng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được cụ thể hóa tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD-ĐT về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay, trình độ ngoại ngữ của GV MN, TH, THCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An phân theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc chưa được cập nhật theo quy định mới. Sau đây là thống kê về trình độ ngoại ngữ của GV các cấp (xem bảng 3).

Chiều theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp, có thể thấy: đa số GV các cấp chưa đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định của hạng. Hiện nay, số lượng GV MN có chứng chỉ ngoại ngữ chiếm tỉ lệ thấp, lần lượt là MN: 21,38%, TH: 31,2% và THCS: 40,8%. Số lượng GV chưa xác định trình độ ngoại ngữ chiếm tỉ lệ lớn, cao nhất là MN với 78,61%, thứ hai là TH với 66,2% và THCS là 51,4%.

2.1.2.3. Về trình độ tin học

Trình độ tin học của GV các cấp áp dụng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được cụ thể hóa tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin gồm có: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao. Trên cơ sở đó, trình độ tin học của GV MN, TH, THCS được thống kê như sau (xem bảng 4).

Bảng 2. Thống kê trình độ đào tạo chuyên môn

TT	Bậc/cấp học	Trình độ ĐT chuyên môn							
		Trung cấp		Cao đẳng		Đại học		Thạc sĩ	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	MN	2185	19,4	3390	30,09	5688	50,49	2	0,02
2	TH	654	5,2	4041	32,0	7905	62,5	39	0,3
3	THCS	0	0,0	1015	9,0	10103	89,2	203	1,8

Bảng 3. Thống kê trình độ ngoại ngữ

TT	Cấp học	Trình độ ngoại ngữ							
		Chứng chỉ		Cao đẳng		Đại học		Chưa xác định	
		Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
1	MN	2408	21,38	01	0,01	0	0,0	8856	78,62
2	TH	3940	31,17	103	0,81	232	1,84	8364	66,2
3	THCS	4620	40,81	43	0,38	839	7,41	5819	51,4

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu do Sở GD-ĐT Nghệ An cung cấp ngày 31/3/2018)

Bảng 4. Thống kê trình độ tin học

TT	Cấp học	Trình độ tin học							
		Chuẩn KN sử dụng CNTT cơ bản		Cao đẳng		Đại học		Chưa xác định	
		Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
1	MN	2408	21,4	0	0,0	0	0,0	8857	78,6
2	TH	3940	31,2	103	0,8	232	1,8	8364	66,2
3	THCS	7823	69,1	114	1,0	120	1,1	3264	28,8

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu do Sở GD-ĐT Nghệ An cung cấp ngày 31/3/2018)

Nhìn vào số liệu trên, có thể thấy, thực trạng về trình độ tin học của GV MN, TH, THCS có cải thiện hơn so với trình độ ngoại ngữ nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn về trình độ tin học của hạng. Số lượng GV đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản mới chỉ có 21,4% ở bậc MN, cao hơn đạt 31,2% ở cấp TH và cao nhất là 69,1% ở cấp THCS. Số lượng GV chưa xác định trình độ tin học có tỉ lệ còn cao ở cả ba cấp.

2.1.2.4. Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên

Một trong các tiêu chuẩn về trình độ ĐT, BD của mỗi hạng GV MN, TH, THCS là có chứng chỉ BD GV của hạng đang giữ. Tuy nhiên, hiện nay, số lượng GV có chứng chỉ BD GV theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp của từng hạng gần như chưa có mà đang trong quá trình triển khai thực hiện. Vì vậy, đây là một trong các nội dung GV các cấp phải hoàn thành trong thời gian tới để đạt chuẩn hóa theo quy định của hạng được bổ nhiệm.

Như vậy: Số lượng GV MN, TH, THCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp nhưng chưa hội tụ đủ các tiêu chuẩn của hạng còn khá nhiều, đặc biệt là tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ, tin học và chứng chỉ BD GV của hạng đang giữ. Vì vậy, trong thời gian tới, để chuẩn hóa đội ngũ GV các cấp, tỉnh phối hợp với các cơ quan, trường học thực hiện tốt công tác ĐT, BD giúp GV MN, TH, THCS hội tụ đủ các điều kiện theo tiêu chuẩn của hạng đang giữ.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả bồi dưỡng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp

Hiện nay, công tác ĐT, BD đội ngũ GV được đánh giá là nặng về lý thuyết, thiếu tính ứng dụng, chưa chú trọng những đặc thù riêng biệt của từng vị trí việc làm. Để nâng cao hiệu quả trong công tác ĐT, BD, đòi hỏi các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách phải xác định rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác ĐT, BD GV, từ đó lựa chọn phương thức ĐT, BD phù hợp với yêu cầu, mục tiêu và hiệu quả mong muốn của cơ quan,

tổ chức cũng như cá nhân người GV được ĐT, BD. Bài viết nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng cơ bản sau:

2.2.1. Khung pháp lý đối với hoạt động bồi dưỡng theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp

Đây là yếu tố quan trọng, tạo nền móng và định hướng cho công tác xây dựng kế hoạch, triển khai ĐT, BD đội ngũ GV có chất lượng, đạt hiệu quả.

Hiện nay, để chuẩn hóa đội ngũ GV các cấp, thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án về việc “ĐT, BD nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến năm 2025” theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016; Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ ban hành các thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục từ bậc MN đến đại học, đồng thời đã ban hành 15 chương trình BD giảng viên và GV các hạng trong toàn quốc. Để cụ thể hóa chính sách của Trung ương, UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch số 07/KH.UBND ngày 05/01/2018 về thực hiện Đề án “ĐT, BD Nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2.2.2. Khung năng lực của vị trí việc làm

Khung năng lực là một công cụ mô tả trong đó xác định các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng, thái độ, hành vi và các đặc điểm cá nhân khác để thực hiện các nhiệm vụ trong một vị trí, một công việc hay một ngành nghề. Điều 7 của Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập ghi rõ: “*Khung năng lực của từng vị trí việc làm được xây dựng căn cứ trên cơ sở yêu cầu thực hiện công việc, được phản ánh trên bản mô tả công việc tương ứng, gồm các năng lực và kỹ năng cần có để hoàn thành nhiệm vụ được giao*”.

Theo Pastor và Bresard, *khung năng lực phản ánh toàn bộ năng lực mà một cá nhân cần có để đảm nhiệm một vị trí việc làm hay một công cụ nào đó*. Như vậy, khung năng lực là công cụ hiệu quả trong quản lý và phát triển nguồn nhân lực. Đặc biệt, nó giúp cơ quan, tổ chức có định hướng ĐT, BD đội ngũ GV cho phù hợp với vị trí việc làm và xác định nhu cầu ĐT, BD chính xác, đảm bảo ĐT, BD đúng đối tượng, đúng nội dung chương trình, đáp ứng yêu cầu công việc, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2.2.3. Hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

Các cơ sở ĐT, BD GV là nơi tổ chức thực hiện các khóa ĐT, BD trang bị, cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp. Để hoạt động ĐT, BD có chất lượng, các cơ sở được giao nhiệm vụ này phải bảo đảm các tiêu chuẩn, như: đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và đủ năng lực giảng dạy; đội ngũ quản lý ĐT chuyên nghiệp; trang thiết bị giảng dạy hiện đại; cơ sở hạ tầng khang trang.

Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An là một trong những cơ sở được giao nhiệm vụ ĐT, BD GV MN, TH, THCS theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp. Trong thời gian tới, Trường cần không ngừng cải thiện năng lực đội ngũ nhà giáo, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất để thực hiện có chất lượng công tác ĐT, BD, phát huy tốt truyền thống của ngôi trường gần 60 năm xây dựng và phát triển.

2.2.4. Người dạy và người học

Người dạy là yếu tố mang tính quyết định đến chất lượng ĐT, BD. Bởi chính họ là người hướng dẫn học viên học tập, rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Khi thực hiện hoạt động ĐT, BD theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp, người dạy phải cung cấp kiến thức ở mức cần thiết và rèn luyện kỹ năng đến mức có thể. Vì vậy, yêu cầu đội ngũ giảng viên phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm đạt chuẩn và có kinh nghiệm thực tế đối với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

Người học cũng là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng ĐT, BD. Muốn đạt kết quả cao thì người học phải có tính tương đồng về vị trí việc làm và có nhu cầu được ĐT, BD gần chuyên môn với nhau. Các lớp học mà có nhiều người học thuộc nhiều ngành nghề, ở nhiều vị trí việc làm và có nhu cầu khác nhau thì hiệu quả của lớp học sẽ không cao, tạo ra sự lãng phí do mức độ tiếp thu và mức độ cần thiết không đồng đều nhau.

2.3. Một số đề xuất để nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp

Từ thực trạng về đội ngũ GV MN, TH, THCS, có thể thấy, việc chuẩn hóa đội ngũ này theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng đang giữ vừa là yêu cầu bắt buộc phải hoàn thiện vừa là nhu cầu chính đáng của mỗi người. Thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác này, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên thực hiện công tác ĐT, BD GV theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Từ thực tiễn chỉ ra rằng, giảng viên thực hiện giảng dạy các chương trình ĐT, BD theo Chuẩn chức danh nghề nghiệp phải là những người vững về chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm và công tác thực tiễn, có năng lực sư phạm tốt. Mặc dù cũng là hoạt động giảng dạy nhưng ĐT, BD GV để chuẩn hóa đội ngũ rất khác so với ĐT sinh viên. Vì vậy, các cơ sở được giao ĐT, BD GV các cấp nhất thiết phải đầu tư xây dựng đội ngũ giảng viên vừa giỏi về chuyên môn vừa có năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu cập nhật, bổ sung kiến thức theo chuẩn nghề nghiệp của GV.

Thứ hai, học tập kinh nghiệm nước ngoài, xây dựng chương trình tập huấn, tài liệu BD GV. Để phù hợp với thực tiễn của tỉnh Nghệ An, đồng thời bắt kịp xu hướng thế giới thì các cơ sở ĐT biên soạn tài liệu BD không chỉ cập nhật, điều chỉnh giúp các GV đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp của quốc gia, phù hợp với vị trí việc làm được bổ nhiệm mà còn phải hướng đến chuẩn quốc tế, theo xu hướng dạy học của thế giới hiện nay. Chương trình ĐT, BD GV theo chuẩn quốc tế của CIE (University of Cambridge International Examination - Đại học Khảo thí Cambridge) tập trung vào phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cho GV như: kỹ năng lập kế hoạch dạy học dựa trên cơ sở xác định nhu cầu, năng lực của học sinh, xác định mục tiêu học tập; kỹ năng triển khai dạy học tích cực; kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và kỹ năng đánh giá cải tiến việc dạy học.

Thứ ba, phải thống nhất quản lý công tác ĐT, BD GV các cấp. Thống nhất quản lý công tác ĐT, BD GV các cấp không chỉ là các công việc quản lý của các cơ quan chuyên trách từ Bộ GD-ĐT đến các Sở GD-ĐT, mà còn ở tại các cơ sở ĐT, BD GV. Để đảm bảo chất lượng, tỉnh nên giao việc ĐT, BD GV các cấp cho cơ sở giáo dục có năng lực, uy tín trong tỉnh Nghệ An để làm cơ sở kiểm soát chất lượng đầu ra.

Bên cạnh đó, phải thống nhất quản lý các nguồn lực ĐT, BD GV, nhất là các nguồn kinh phí cho ĐT, BD. Chỉ khi thống nhất quản lý, xây dựng được các định mức chi tiêu, hướng dẫn, sử dụng nguồn kinh phí ĐT, BD mới chấm dứt được tình trạng mạnh ai nấy làm, ai “xin”

được tiên thì mở lớp BD. Nếu không quy định thống nhất về định mức kinh phí ĐT, BD thì mọi cố gắng tổ chức ĐT, BD đều ít có ý nghĩa. Định mức chi thấp thì không có việc gì được làm đến nơi đến chốn và nó trở thành “cái phanh hãm” đối với mọi động lực thúc đẩy hoạt động ĐT, BD.

3. Kết luận

ĐT, BD là hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo của tỉnh Nghệ An, là điều kiện quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay. Với thực trạng đội ngũ GV MN, TH, THCS chưa hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An như hiện nay, việc chuẩn hóa đội ngũ đang là yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay. Bên cạnh đó, ĐT, BD nâng cao năng lực của GV vừa là nhiệm vụ vừa là nhu cầu chính đáng của mỗi người. Vì vậy, chúng ta cần phải xác định ĐT, BD không phải là chi phí bỏ ra mà là sự đầu tư cho tương lai, cho sự phát triển.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT - Bộ Nội vụ (2015). *Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.*
- [2] Bộ GD-ĐT - Bộ Nội vụ (2015). *Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập.*
- [3] Bộ GD-ĐT - Bộ Nội vụ (2015). *Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trung học cơ sở công lập.*
- [4] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [5] UBND tỉnh Nghệ An (2018). *Kế hoạch số 07/KH.UBND ngày 05/01/2018 về thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*
- [6] Nguyễn Ngọc Quân - Nguyễn Văn Diễm (2010). *Giáo trình Quản trị nhân lực.* NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

- [7] Hoàng Thanh Tú - Ninh Thị Hạnh (2017). *Phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam.* Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 33, số 2, tr 52-60.

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 17)

2.3.5. Đảm bảo các điều kiện phục vụ bồi dưỡng

Cần đảm bảo các điều kiện phục vụ BD bao gồm: năng lực của báo cáo viên, nội dung CT, tài liệu, hình thức BD phải hấp dẫn, thu hút người học tham gia; đảm bảo các chế độ, chính sách đối với cán bộ, GV tham gia BD, các phương tiện hỗ trợ dạy và học...

3. Kết luận

BD cho GV THCS về năng lực xây dựng và phát triển CTGD phổ thông là nhiệm vụ không thể thiếu trong việc BD năng lực đội ngũ GV nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. Quy trình xây dựng, phát triển CTGD nhà trường và các giải pháp triển khai BD về năng lực xây dựng và phát triển CTGD nhà trường được đề cập trong bài sẽ giúp các trường sư phạm triển khai BD năng lực xây dựng và phát triển CTGD cho cán bộ quản lý và GV THCS, góp phần BD năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ GV.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT - Dự án Phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2 (2014). *Năng lực quản lý phát triển chương trình nhà trường trung học phổ thông.*
- [2] Quốc hội (2014). *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
- [3] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể.*
- [4] Bộ GD-ĐT (2017). *Tài liệu Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II.* NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Nguyễn Hữu Châu (2006). *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học.* NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Văn Khôi (2011). *Phát triển chương trình giáo dục.* NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Nguyễn Đức Chính (2012). *Phát triển chương trình giáo dục, in trong “Những vấn đề cơ bản về quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên”.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.